

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 26 - 01 - 2022

V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Trường Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Ông Võ Thành Trung

Thư ký phiên tòa: Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 19/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2021/TLST - DS ngày 26/4/2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 07/2022/QĐXXST - DS ngày 06/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà PTYN, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp Cả Cỏ, xã Thanh Phú, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà NTTN, sinh năm 1954 (Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2021)

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà NTM, sinh năm 1982 và ông HCT, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Ấp Vàm Lớn, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

(Bà Nga có mặt; bà My và ông Thanh vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà NTTN trình bày yêu cầu khởi kiện: Ngày 27/5/2020, bà Nhi cho bà NTM vay 318.720.000đ, thời hạn vay 02 tháng, không thỏa thuận lãi suất,

mục đích vay mua nếp giống. Đến ngày 31/01/2021, bà My có trả cho bà Nhi 145.520.000đ và còn nợ lại 173.200.000đ. Nay bà Nhi khởi kiện yêu cầu bà My và chồng bà My là ông Thanh liên đới trả 173.200.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nhi cung cấp: Biên nhận tiền ngày 27/5/2020; biên nhận tiền ngày 31/1/2021.

- *Tại bản tự khai ngày 13/12/2021, bị đơn bà NTM trình bày:* Bà My và ông Thanh là vợ chồng, ngày 27/5/2020 bà My có vay của bà Nhi 318.720.000đ, thời hạn vay 02 tháng, không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay mua nếp giống. Đến ngày 31/01/2021, bà My có trả cho bà Nhi 145.520.000đ và còn nợ lại 173.200.000đ. Nay, bà Nhi khởi kiện yêu cầu bà My và ông Thanh liên đới trả 173.200.000đ thì bà My đồng ý và xin trả dần mỗi tháng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ cho đến khi hết nợ nhưng chỉ một mình bà My trả không liên quan gì đến ông Thanh. Trong quá trình giải quyết vụ án bà My không cung cấp tài liệu hay chứng cứ gì cho Tòa án.

- *Bị đơn bà NTM và ông HCT* được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Riêng ông Thanh không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà My và ông Thanh theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp là hợp đồng vay tài sản chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

[2] *Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn bà NTM và ông HCT:* Bà My và ông Thanh được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà My và ông Thanh.

[3] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện của PTYN:* Bà Nhi khởi kiện yêu cầu bà My và ông Thanh liên đới trả 173.200.000đ phát sinh từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, không yêu cầu tính lãi suất. Căn cứ vào biên nhận tiền ngày 27/5/2020 và biên nhận tiền ngày 31/1/2021 thì bà My còn nợ lại bà Nhi 173.200.000đ tiền vay và được bà My thừa nhận tại bản tự khai ngày 13/12/2021. Mục đích của việc bà My vay tiền của bà Nhi là mua lúa và nếp giống phục vụ sản xuất của gia đình. Bên cạnh đó, ông Thanh không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của bà Nhi, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92

Bộ luật tố tụng dân sự thì việc bà My vay tiền của bà Nhi là mua lúa và nộp giống phục vụ sản xuất của gia đình, ông Thanh là chồng của bà My phải có nghĩa vụ cùng bà My trả số tiền còn nợ bà Nhi là 173.200.000đ.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà PTYN đối với bà NTM và ông HCT.

[4] Về án phí: Bà bà NTM và ông HCT phải chịu $5\% \times 173.200.000\text{đ} = 8.660.000\text{đ}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà PTYN không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Nhi 4.330.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003791 ngày 23/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Điều 357 và Điều 288 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà PTYN đối với bà NTM và ông HCT.

Buộc bà NTM và ông HCT có nghĩa vụ liên đới trả cho bà PTYN số tiền 173.200.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà bà NTM và ông HCT phải chịu 8.660.000đ (Tám triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà PTYN không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Nhi số tiền 4.330.000đ (Bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003791 ngày 23/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Trường Thọ